

MÔN NGŨ VĂN 8

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 16

Tiết 61: ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I

ÔN TẬP LÀM VĂN TỰ SỰ

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

* *Nhiệm vụ 1:*

- Củng cố lại kiến thức.

* *Nhiệm vụ 2:*

- Làm bài tập theo yêu cầu của phần Luyện tập.

(Phần B các em hãy ghi chép vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

I/ Củng cố kiến thức

1. Dàn ý bài văn tự sự kể người

a. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu về người mà em muốn kể.

b. Thân bài

- Giới thiệu chung về người đó.

- Miêu tả đôi nét về ngoại hình.

- Kể về tính tình.

- Kể về tình cảm giữa em và người đó.

- Kể lại những kỉ niệm sâu sắc giữa hai người .

c. Kết bài

- Nêu những suy nghĩ, tình cảm của em dành cho người ấy ở hiện tại.

- Nêu những mong ước, kì vọng dành cho tình cảm này trong tương lai.

*** Lưu ý:**

Trong khi kể thường kết hợp miêu tả và biểu cảm.

2. Các bước làm bài văn tự sự

- **Bước 1:** Tìm hiểu đề, tìm ý.
- **Bước 2:** Lập dàn ý.
- **Bước 3:** Viết bài.
- **Bước 4:** Đọc lại bài và sửa lỗi.

C. LUYỆN TẬP Củng cố kiến thức

(Phần C các em hãy làm vào vở)

II/ LUYỆN TẬP

Đề 1: Kể về một người thân của em.



Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý:

- Thể loại: Văn kể chuyện.
- Đối tượng kể: Người thân.

Bước 2: Lập dàn ý

I. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu về người thân(ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, cô, dì...) mà em muốn kể.

II. Thân bài

1. Giới thiệu chung về người thân: ở đâu, với ai, làm gì...?

2. Miêu tả đôi nét về người thân:

a. Ngoại hình

- Chiều cao, vóc dáng, màu da, kiểu tóc...
- Miêu tả một nét mà em ấn tượng nhất (ví dụ: bàn tay, khuôn mặt, đôi mắt, nụ cười...)

b. Tính cách:

- Là người như thế nào?
- Đối xử với mọi người ra sao?
- Đánh giá của mọi người về người thân ấy?

2. Kể về tình cảm giữa em và người thân ấy(nội dung trọng tâm) :

a. Tình cảm của em và người thân đó?

b. Kể lại những kỉ niệm sâu sắc giữa em với người thân đó?

III. Kết bài

- Nêu những suy nghĩ, tình cảm của em dành cho người thân ấy ở hiện tại.
- Nêu những mong ước, kì vọng dành cho tình cảm này trong tương lai.

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Đọc và sửa lỗi

Đề 2: Kể về một người mà em yêu quý.

DẶN DÒ:

- Hoàn thành bài văn.
- Làm đề 2.

Tiết 62: ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I

ÔN TẬP LÀM VĂN TỰ SỰ

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

** Nhiệm vụ 1:*

-Củng cố lại kiến thức.

** Nhiệm vụ 2:*

- Làm bài tập theo yêu cầu của phần Luyện tập.

(Phần B các em hãy ghi chép vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

I/ Củng cố kiến thức

1. Dàn ý bài văn tự sự

a. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu về người mà em muốn kể.

b. Thân bài

- Giới thiệu chung về người đó.

- Miêu tả đôi nét về ngoại hình.

- Kể về tính tình.

- Kể về tình cảm giữa em và người đó.

- Kể lại những kỉ niệm sâu sắc giữa hai người .

c. Kết bài

- Nêu những suy nghĩ, tình cảm của em dành cho người ấy ở hiện tại.

*** Lưu ý:**

Trong khi kể thường kết hợp miêu tả và biểu cảm.

2. Các bước làm bài văn tự sự

- **Bước 1:** Tìm hiểu đề, tìm ý.
- **Bước 2:** Lập dàn ý.
- **Bước 3:** Viết bài.
- **Bước 4:** Đọc lại bài và sửa lỗi.

C. LUYỆN TẬP CÙNG CỐ KIẾN THỨC

(Phần C các em hãy làm vào vở)

II/ LUYỆN TẬP

Đề: Kể về một người bạn thân của em .

Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý:

- Thể loại: Văn kể chuyện.
- Đối tượng kể: Bạn thân.

Bước 2: Lập dàn ý

I. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu về người bạn mà em muốn kể.

II. Thân bài

1. Giới thiệu chung về bạn: tên là gì, sống ở đâu, học lớp nào...?

2. Miêu tả đôi nét về bạn:

a. Ngoại hình

- Chiều cao, cân nặng, vóc dáng, màu da, kiểu tóc...
- Miêu tả một nét mà em ấn tượng nhất (ví dụ: bàn tay, khuôn mặt, đôi mắt, nụ cười...)

b. Tính cách:

- Bạn ấy là người như thế nào?

- Đối xử với bạn bè, thầy cô, người thân, người quen, người lạ... ra sao?
- Đánh giá của mọi người về bạn ấy?

2. Kể về tình bạn giữa em và bạn ấy(nội dung trọng tâm) :

- Hai người làm bạn với nhau đã bao lâu?
- Tình bạn của hai người bắt đầu như thế nào?
- Kể lại những kỉ niệm sâu sắc giữa hai người?

III. Kết bài

- Nêu những suy nghĩ, tình cảm của em dành cho người bạn ở hiện tại.
- Nêu những mong ước, kì vọng dành cho tình bạn này trong tương lai.

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Đọc và sửa lỗi

DẶN DÒ:

- Hoàn thành bài văn.
- Ôn tập cách viết đoạn văn nghị luận xã hội.

Tiết 63: ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi.)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

** Nhiệm vụ 1:*

- Ôn tập lại kiến thức về văn nghị luận: Đặc điểm, yêu cầu, các bước làm bài, ...

** Nhiệm vụ 2:*

- Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn nghị luận: Các bước tạo lập văn bản
- Học sinh viết đoạn văn nghị luận theo yêu cầu

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. Củng cố kiến thức

Các bước viết đoạn văn nghị luận về sự việc hiện tượng:

1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận
2. Giải thích (... là gì?)
3. Thực trạng, biểu hiện
4. Nguyên nhân (Vì sao?)
5. Tác hại hoặc lợi ích (tùy đề)
6. Giải pháp khắc phục/ Phát huy
7. Liên hệ bản thân:
8. Khẳng định lại vấn đề

Các bước viết đoạn văn nghị luận về tư tưởng, đạo lý:

1. Giới thiệu vấn đề
2. Giải thích (... là gì?)
3. Biểu hiện
4. Vai trò, ý nghĩa
5. Phê phán
6. Hướng hành động
7. Khẳng định lại vấn đề
8. Liên hệ bản thân

C. LUYỆN TẬP Củng cố kiến thức

(Các em làm bài vào vở)

II. LUYỆN TẬP

1. Viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về tác hại của hiện tượng hút thuốc lá .



Dàn ý

a. Mở đoạn

- Giới thiệu vấn đề.

b. Phát triển đoạn

+ Ảnh hưởng tới sức khỏe:

- Hút nhiều thuốc lá gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe bản thân (các loại bệnh ung thư phổi, thanh quản, ...).
- Ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh do ảnh hưởng của việc hít phải khói thuốc lá (có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của phụ nữ, trẻ em, ...).

+ Ảnh hưởng đến kinh tế

- Tốn kém nhiều chi phí cho việc mua thuốc lá (người nghiện thuốc lá sẽ hút hút thuốc lá với số lượng ngày càng nhiều, nhu cầu mua các loại thuốc lá mạnh có giá thành cao).

+ Ảnh hưởng đến đạo đức xã hội

- Người lớn hút nêu gương xấu cho trẻ em.
- Dễ sa vào tệ nạn xã hội,...

c. Kết đoạn

- Khẳng định vấn đề.

2. Viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về tác hại của bao bì ni lông.

a. Mở đoạn

b. Phát triển đoạn

+ Đối với môi trường:

- Khi bao bì ni vớt xuống cống sẽ làm tắc nghẽn các đường dẫn nước thải làm tăng khả năng ngập lụt và sự tắc nghẽn đó sẽ gây dịch bệnh.
- Gây ngăn cản sự sinh trưởng của các loài thực vật, hạn chế khả năng hấp thụ dinh dưỡng từ môi trường của cây trồng.
- Cỏ cây bị ngăn cản không có khả năng bám chặt vào đất dẫn đến tình trạng gây đổ, xói mòn đất đai khi mưa lớn lũ về.
- Lượng túi ni lông thải xuống sông biển lớn mà chưa được phân hủy kịp thời, gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường biển, các loài sinh vật dần mất đi môi trường sống và chúng sẽ chết nếu ăn phải bao bì ni lông.

+ Đối với sức khỏe con người:

- Khí ni lông có chứa chất độc đi-ô-xin gây nên các bệnh về hô hấp như khó thở, ho ra máu và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.
- Thức ăn đựng trong túi ni lông màu có thể bị nhiễm độc, gây ung thư, làm suy giảm hệ miễn dịch con người.

c. Kết đoạn

- Khẳng định vấn đề.

3. Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về tác hại của hiện tượng gia tăng dân số.

Dàn ý

a. Mở đoạn

- Giới thiệu vấn đề.

b. Phát triển đoạn

Tác hại của vấn đề gia tăng dân số:

+ Đối với gia đình:

- Đời sống người dân sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.
- Gia tăng dân số ảnh hưởng đến vấn đề việc làm.
- Đông con, sẽ không có đủ điều kiện để có thể chăm sóc con cái cho tốt .
- Những đứa trẻ được sinh ra không được hưởng những điều tốt đẹp .

+ Đối với môi trường:

- Gây ô nhiễm môi trường.

+ Đối với đất nước:

- Ảnh hưởng đến kinh tế xã hội của một quốc gia...

c. Kết đoạn

- Khẳng định vấn đề.

DẶN DÒ

- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập.
- Ôn tập lại tất cả các văn bản và các bài tiếng Việt đã học ở HK1.

TIẾT 64: ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

PHẦN VĂN BẢN VÀ TIẾNG VIỆT

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kỹ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

** Nhiệm vụ 1:*

- Ôn tập lại kiến thức các bài văn bản và tiếng Việt đã học ở HK1 .

** Nhiệm vụ 2:*

- Làm bài tập phần Luyện tập.

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. CÙNG CỐ KIẾN THỨC

1/ VĂN BẢN:

- Ôn tập lại tất cả các văn bản đã học.
- Nêu được tên tác giả.
- Nắm nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Văn bản:

- + Tôi đi học
- + Trong lòng mẹ
- + Tức nước vỡ bờ
- + Lão Hạc
- + Cô bé bán diêm
- + Đánh nhau với cối xay gió
- + Chiếc lá cuối cùng
- + Thông tin về ngày trái đất năm 2000
- + Ôn dịch thuốc lá
- + Bài toán dân số
- + Đập đá ở Côn Lôn
- + Muốn làm thằng cuội

2/ TIẾNG VIỆT

- Trường từ vựng? Cho VD.
- Từ tượng hình, từ tượng thanh? Cho VD.

- Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội? Cho VD.
- Trợ từ? Thán từ? Cho VD.
- Tình thái từ? Cho VD.
- Nói quá? Cho VD.
- Nói giảm nói tránh? Cho VD.
- Câu ghép? Cho VD. Có mấy cách nối các vế của câu ghép?
- Dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm có chức năng nào?
- Dấu ngoặc kép có chức năng nào?

C. LUYỆN TẬP Củng cố KIẾN THỨC

(Các em làm bài vào vở)

II. LUYỆN TẬP

Đề 1: Đọc đoạn trích và chọn câu đúng



“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- *Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!*
- *Cụ bán rồi?*

- Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

(Lão Hạc-Nam Cao)

1/ Tác giả đoạn trích trên là ai?

A/ Nguyễn Hồng

B/ Thanh Tịnh

C/ Ngô Tất Tố

D/ Nam Cao

2/ Trong đoạn trích trên tác giả đã kết hợp phương thức biểu đạt nào?

A/ Miêu tả+ biểu cảm

B/ Tự sự+ miêu tả

C/ Biểu cảm+ tự sự

D/ Nghị luận+ biểu cảm

3/ Dòng nào thể hiện nội dung của đoạn trích

A/ Tái hiện tâm trạng đau khổ và ân hận của lão Hạc

B/ Lão Hạc kể lại chuyện bán chó

C/ Lòng xót xa thông cảm của ông giáo đối với lão Hạc

D/ Cả ba nội dung trên

4/ Tác phẩm có cùng chủ đề viết về hình ảnh người nông dân trong xã hội cũ

A/ Tức nước vỡ bờ(Tắt đèn-Ngô Tất Tố)

B/ Trong lòng mẹ- Nguyên Hồng

C/ Tôi đi học- Thanh Tịnh

D/ Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri

5/ Từ nào thay thế được từ đi đời trong câu “ Cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ!”.

A/ Bỏ mạng

B/ Hi sinh

C/ Chết

D/ Hết đời

6/ Trong các từ sau từ nào là từ tượng thanh?

A/ Vui vẻ

B/ Hu hu

C/ Ầng ậng

D/ Móm mém

7/ Trong các từ sau từ nào là từ tượng hình?

A/ Xót xa

B/ Ái ngại

C/ Móm mém

D/ Vui vẻ

8/ Có mấy tình thái từ trong đoạn trích?

A/ Một

B/ Ba

C/ Hai

D/ Bốn

9/ Câu nào là câu ghép?

- A/ Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra.
- B/ Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa.
- C/ Mặt lão đột nhiên co dúm lại.
- D/ Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.

10/ Cách nối các vế của câu ghép ở câu 9

- A/ Nối bằng quan hệ từ
- B/ Nối bằng dấu câu

Đề 2: Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

CHỈ CÓ THỂ LÀ MẸ

(Đặng Minh Mai)

Nắng dần tắt trên con đường nhỏ

Dáng mẹ gầy gịọ giọ liêu xiêu

Mẹ về để nấu cơm chiều

Bữa cơm đạm bạc thương yêu ấm lòng

Cả đời mẹ long đong vất vả

Cho chồng con quên cả thân mình

Một đời mẹ đã hy sinh

Tuổi xuân phai nhạt nghĩa tình đượm sâu

...



Câu 1: Nêu nội dung đoạn thơ trên? Qua bài thơ trên em hãy tìm một văn bản cùng chủ đề trong chương trình Ngữ văn 8 em đã học? Và cho biết tên tác giả của văn bản đó.

Câu 2: Tìm tất cả từ tượng hình trong đoạn thơ. Và cho biết qua những từ tượng hình trên, em thấy được điều gì về người mẹ?

Câu 3: Hãy viết một đoạn văn 3- 5 câu thể hiện tình cảm của em với mẹ, có sử dụng một câu ghép. Cho biết cách nối các vế của câu ghép trong đoạn văn.

DẶN DÒ

- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập.
- Ôn tập lại các nội dung để chuẩn bị kiểm tra cuối kì.